

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2019/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 1911/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Nghị

quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

1. Khoản 7 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“Điều 3. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

7. Tài sản công không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định này bao gồm: Mua sắm tài sản trong trường hợp lập thành dự án đầu tư; mua, bán, thuê tài sản (trừ mua, bán xe ô tô, cơ sở hoạt động sự nghiệp) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và nguồn vốn huy động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tài sản kết cấu hạ tầng khác phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia (trừ việc mua sắm tài sản do ngân sách địa phương đảm bảo); tài sản dự trữ quốc gia; tài nguyên thiên nhiên, đất đai (trừ đất gắn liền với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, đất là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân) và tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Bổ sung Mục 6 vào Chương II như sau:

“Mục 6. PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 31a. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) gồm:

- Tài sản chuyển giao về địa phương nhưng chưa xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

- Tài sản chuyển giao về địa phương đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý và sử dụng là bất động sản, xe ô tô, tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/1 gói tài sản.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý và sử dụng là tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/1gói tài sản (trừ các tài sản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận; di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 31b. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01gói tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (nếu được ủy quyền) ban hành quyết định tịch thu theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (nếu được ủy quyền) ban hành quyết định tịch thu theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định tịch thu.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) do cơ quan, người có thẩm quyền trên địa

bàn cấp huyện ban hành quyết định tịch thu theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

2. Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác do cơ quan thi hành án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh chuyển giao có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 gói tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các loại tài sản do cơ quan thi hành án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh chuyển giao (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 gói tài sản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các loại tài sản do cơ quan thi hành án và các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện chuyển giao (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; di sản không có người nhận thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại các Điểm a, b và d Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 01 tỷ đồng trở lên/01 gói tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô) đối với tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 01 tỷ đồng/01 gói tài sản theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân

tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang